TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 793/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 02-11-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Hải Quỳnh Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly;
2. Bà Vũ Thị Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Bích Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân Quận S Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận S Thành phố Hồ Chí Minh: Bà Đinh Thu Thủy – Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận S Thành phố Hồ Chí Minh – số 99 đường Trần Văn Kiểu, Phường 10, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh - xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 560/2018/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 487/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Trần Thị Mỹ X, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Thường trú: số 1570/89 đường VVK, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: ông Võ Thành H, sinh năm: 1983 (vắng mặt)

Thường trú: số 1570/89 đường VVK, Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh

Hiện đang chấp hành án tại phân trại số H trại giam XL, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn xin ly hôn ngày 14 tháng 8 năm 2018 và bản tự khai đề ngày 28 tháng 8 năm 2018 của bà Trần Thị Mỹ X, bản tự khai ghi ngày 05 tháng 10 năm 2018 của ông Võ Thành H thì các đương sự trình bày: ngày 15/6/2007, bà X và ông H được Ủy ban nhân dân Phường B Quận S Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 91. Thời gian đầu, vợ chồng chung sống hạnh phúc; đến năm 2013, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do ông H nghiện hút ma túy, thường xuyên đánh vợ con để đòi tiền mua ma túy. Từ năm

2013 đến nay, bà X và ông H ly thân. Nay, bà X nhận thấy không còn yêu thương ông H nữa, quan hệ hôn nhân không thể duy trì. Do đó, bà X nộp đơn yêu cầu Tòa án nhân dân Quận S giải quyết cho bà X được ly hôn với ông H và ông H cũng đồng ý ly hôn với bà X.

- Về con chung: bà X và ông H tự khai có 02 con chung tên Võ Minh Q– sinh ngày 25/5/2007 và Võ Minh A – sinh ngày 14/5/2008. Bà X và ông H thống nhất bà X được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, ông H không cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản chung: bà X và ông H tự khai không có.
- Về nợ chung: bà X và ông H tự khai không có

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 08 tháng 10 năm 2018 bà X nộp đơn xin vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa; ngày 05 tháng 10 năm 2018, ông H nộp đơn xin vắng mặt với yêu cầu được vắng mặt tại các buổi làm việc, phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa sơ thẩm.

Tại phiên tòa sơ thẩm, các đương sự vắng mặt. Viện kiểm sát nhân dân Quận S phát biểu: về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật; về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu của bà Trần Thị Mỹ X được ly hôn với ông Võ Thành H, chấp nhận giao 02 con chung tên Võ Minh Q– sinh ngày 25/5/2007 và Võ Minh A – sinh ngày 14/5/2008 cho bà X trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung và nợ chung không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

- Bà Trần Thị Mỹ X có đơn xin ly hôn với ông Võ Thành H. Tại thời điểm bà X nộp đơn xin ly hôn thì ông H đăng ký thường trú tại Quận S, căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Trong quá trình giải quyết vụ án, bà X và ông H nộp đơn xin vắng mặt tại phiên họp, phiên hòa giải, phiên tòa. Căn cứ Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án phải mở phiên tòa xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Mỹ X và ông Võ Thành H được Ủy ban nhân dân Phường B Quận S Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 91, ngày 15/6/2007. Do đó quan hệ hôn nhân giữa bà X và ông H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Tại các bản tự khai của bà X và ông H, cả hai đều thống nhất đồng ý ly hôn. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn ông H của bà X.

[3] Về con chung: bà X và ông H cùng xác định có 02 con chung tên Võ Minh Q– sinh ngày 25/5/2007 và Võ Minh A – sinh ngày 14/5/2008. Bà X và ông H thống nhất giao cho bà X được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân gia đình 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận việc giao 02 con chung cho bà X được trực tiếp nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con

[4] Về tài sản chung, nợ chung: bà X và ông H tự khai không có.

[5]Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) do bà X nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 207, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 9, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Trần Thị Mỹ X với ông Võ Thành H.

2. Về con chung: giao cho bà Trần Thị Mỹ X được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Võ Minh Q– sinh ngày 25/5/2007 và Võ Minh A – sinh ngày 14/5/2008; ông Võ Thành H không cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi quyền nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở họ thực hiện quyền này. Trường hợp thay đổi về nơi sinh sống, học tập của con chung, hai bên đương sự phải có nghĩa vụ thông báo cho nhau biết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: bà Trần Thị Mỹ X và ông Võ Thành H tự khai không có.

4. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) do bà Trần Thị Mỹ X nộp, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà bà đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010170 ngày 21/8/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận S. Bà Trần Thị Mỹ X đã nộp đủ án phí.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 91, ngày 15/6/2007 do Ủy ban nhân dân Phường B, Quận S, Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị kể từ ngày bản án này có hiệu lực

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát được quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận S;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận S;
- UBND Phường B, Quận S;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lưu Hải Quỳnh Anh